

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG
CẨM PHẢ VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2018

Số: 4429 /KVCP - KH

V/v niêm yết giá dịch vụ tại
cảng Cẩm Phả

Kính gửi:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Thực hiện công văn số 344/CVHHQN-TTTT ngày 24/4/2018 của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh, về việc kê khai, niêm yết giá dịch vụ tại khu vực cảng biển Quảng Ninh.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin gửi đăng ký thông tin niêm yết giá dịch vụ tại cảng Cẩm Phả (có biểu đính kèm).

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/4/2017.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KT, BQLC;
- Lưu VP, KH.

GIÁM ĐỐC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Uyên

- | | |
|---------------|--|
| - Tên tổ chức | : Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin |
| - Địa chỉ | : Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. |
| - Điện thoại | : 0203.3865045 Fax: 033.3865320 |
| - Website | : camphaport.com.vn |
| - Email | : campha_port@vnn.vn |

Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2018

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2602/QĐ-KVCP, ngày 28/3/2017)

I. GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẦU, BẾN, PHAO NEO

1. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (thuế suất 0%):

- Tàu thuyền neo buộc tại cầu : 0,0031 USD/GT/giờ.
- Tàu thuyền neo buộc tại phao : 0,0013 USD/GT/giờ.

2. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

- Neo buộc tại cầu, bến : 16,500 đồng/GT/giờ;
- Neo buộc tại phao : 11,000 đồng/GT/giờ.

II. GIÁ DỊCH VỤ TÀU LAI DẮT

2.1 Giá sử dụng dịch vụ tàu lai dắt đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (thuế suất 0%):

Đơn vị tính: USD/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	CÔNG SUẤT (HP)	ĐƠN GIÁ
1	Than Việt Nam	700	268
2	Tàu Đông Hải	980	345
3	Tàu Tuần Châu	2.000	646
4	Tàu Yết Kiêu	3.200	880

2.2 Giá sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

Đơn vị tính: đồng/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	CÔNG SUẤT (HP)	ĐƠN GIÁ
1	Than Việt Nam	700	4.004.000
2	Tàu Đông Hải	980	5.390.000
3	Tàu Tuần Châu	2.000	12.540.000
4	Tàu Yết Kiêu	3.200	14.520.000

III. GIÁ DỊCH VỤ BUỘC, CỎI DÂY TÀU

a/ Tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế cập cầu Cảng, Phao thực hiện công việc buộc, cỏi dây thu theo đơn giá sau (thuế suất 0%):

TT	DUNG TÍCH TOÀN PHẦN	ĐƠN GIÁ (USD/lần)	
		Tại Phao	Tại Cầu
1	Từ 500 đến 1.000 GT	54	28
2	Từ 1001 đến 10.000 GT	135	54
3	Từ 10.001 GT trở lên	175	80

b/ Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa cập cầu Cảng, Phao thực hiện công việc buộc, cỏi dây thu theo đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT):

TT	DUNG TÍCH TOÀN PHẦN	ĐƠN GIÁ (1000 VND/lần)	
		Tại Phao	Tại Cầu
1	Từ dưới 2000 GT	495	253
2	Từ 2001 đến 4 000 GT	583	330
3	Từ 4001 đến 6 000 GT	660	440
4	Từ 6001 GT trở lên	1.122	561
5	Sà lan (Đoàn)		88
6	Phương tiện thủy nội địa		88

Nếu sà lan và phương tiện thủy nội địa tự buộc cỏi dây thì tính bằng 50% đơn giá

IV. GIÁ DỊCH VỤ CUNG ỨNG NƯỚC NGỌT

a. Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Cấp tại cầu Cảng	Đồng/M ³	36.500
2	Cấp tại vụng neo	Đồng/M ³	47.250
3	Cấp tại hòng nước Cảng (không sử dụng phương tiện chuyên chở)	Đồng/M ³	21.000

b. Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế (thuế suất 0%):

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Cấp tại cầu Cảng: - Nhận đến 100m ³	USD/M ³	3.00
	- Nhận trên 100m ³	USD/M ³	2.80
2	Cấp tại vụng neo: - Nhận đến 100m ³	USD/M ³	3.50
	- Nhận trên 100m ³	USD/M ³	3.00

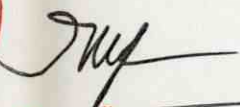
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KT, BQLC;
- Lưu VP, KH.



GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Xuân Uyên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG
CẨM PHẢ VINACOMIN

Số: 2602/QĐ-KVCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn biểu giá dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-HĐTV ngày 19/8/2010 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc "Chuyển Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - TKV thành Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin";

Căn cứ văn bản số 4958/CHHVN-VTDVHH ngày 14/12/2016 của Cục Hàng hải Việt Nam, về việc thông báo Quyết định ban hành biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển;

Căn cứ quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 3863/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 623/QĐ-TKV ngày 19/3/2010 và quyết định số 682/QĐ-TKV ngày 03/4/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành giá dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch và quản trị chi phí Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quyết định hướng dẫn biểu giá các dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả (có nội dung biểu giá đính kèm).

Điều 2. Quyết định này áp dụng kể từ ngày 01/4/2017 và thay thế quyết định số 10901/QĐ-KVCP ngày 30/12/2016.

Điều 3. Phòng KTTK-TC, phòng Kế hoạch và quản trị chi phí, Ban quản lý cảng và kinh doanh dịch vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (thay báo cáo);
- Kiểm soát viên TKV;
- GĐ, các Phó giám đốc;
- Như điều 3;
- Các Đại lý, Chủ tàu;
- Lưu: KH, VP.



GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Tuấn

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN TẠI CẢNG CẨM PHẢ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2602/QĐ-KVCP, ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin)

A- QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến giá dịch vụ lai dắt, giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ cung cấp nước ngọt (sau đây gọi tắt là giá dịch vụ cảng biển) tại cảng Cẩm Phả.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ là tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm: Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải (không phân biệt quốc tịch), hoạt động vận tải (kể cả container) từ cảng Cẩm Phả đi nước ngoài và từ nước ngoài đến cảng Cẩm Phả (gọi chung là hàng hải quốc tế).

3. Đối tượng tính giá dịch vụ cảng biển là tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải, (không phân biệt quốc tịch) hoạt động vận tải hàng hóa nội địa giữa các Cảng biển Việt Nam (gọi chung là hàng hải nội địa).

II. ĐỒNG TIỀN THU GIÁ DỊCH VỤ

1. Đồng tiền thu giá dịch vụ là đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2. Đồng tiền thu giá dịch vụ là đồng Việt Nam đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ đô la Mỹ sang đồng tiền Việt Nam thì qui đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

III. ĐƠN VỊ TÍNH GIÁ DỊCH VỤ VÀ CÁCH LÀM TRÒN

Mức thu giá dịch vụ cảng biển được tính trên cơ sở dung tích toàn phần (GT); công suất máy chính được tính bằng mã lực (Horse power - HP) hoặc Kwat (KW) của tàu thủy; Thời gian được tính bằng giờ, ngày, khối lượng hàng hóa được tính bằng tấn hoặc M^3 ; khoảng cách tính bằng hải lý, cụ thể:

1. Đơn vị trọng tải:

1.1. Tổng dung tích (GT): là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hàng hải, dung tích toàn phần (GT) của phương tiện thủy, phần lẻ dưới 0,5 GT không tính, từ 0.5 GT trở lên tính tròn là 01GT.

1.2. Đối với tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi như sau:

6

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01GT;
- Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01GT;
- Tàu kéo, tàu đẩy và cầu nổi: 01 mã lực (hp,cv) tính bằng 0,5 GT; 01 kW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

1.3 Đối với tàu thuyền chở hàng khô, container, hàng lỏng, trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển là dung tích toàn phần GT ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm.

1.4 Đối với tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy;

2. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo hp, cv hoặc kW; phần lẻ 01 hp, 01 cv hoặc 01 kW được tính tròn 01 hp, 01 cv và 01 kW.

3. Đơn vị thời gian:

Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Thời gian làm việc:

Thời gian làm việc từ 0 giờ đến 24 giờ.

B - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẦU, BẾN, PHAO NEO

1. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (thuế suất 0%):

- Tàu thuyền neo buộc tại cầu : 0,0031 USD/GT/giờ.
- Tàu thuyền neo buộc tại phao : 0,0013 USD/GT/giờ.

2. Giá sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

- Neo buộc tại cầu, bến : 16,500 đồng/GT/giờ;
- Neo buộc tại phao : 11,000 đồng/GT/giờ.

II. GIÁ DỊCH VỤ TÀU LAI DẮT

1. Giá tàu lai dắt thực hiện 6 tháng đầu năm 2017:

Theo quyết định số 623/QĐ-TKV ngày 19/3/2010 và quyết định số 682/QĐ-TKV ngày 03/4/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. V/v: Ban hành giá dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả:

1.1 Giá sử dụng dịch vụ tàu lai dắt đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (thuế suất 0%):

Đơn vị tính: USD/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Than Việt Nam (700hp)	250	
2	Tàu Đông Hải (980hp)	300	
3	Tàu Tuần Châu (2.000hp)	600	
4	Tàu Yết Kiêu (3.200hp)	762	

1.2 Giá sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

Đơn vị tính: đồng/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Than Việt Nam (700hp)	3.520.000	
2	Tàu Đông Hải (980hp)	4.400.000	
3	Tàu Tuần Châu (2.000hp)	8.800.000	
4	Tàu Yết Kiêu (3.200hp)	12.100.000	

2/ Về giá tàu lai dắt thực hiện từ 01/7/2017:

Căn cứ quyết định số 3863/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam:

2.1 Giá sử dụng dịch vụ tàu lai dắt đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (thuế suất 0%):

Đơn vị tính: USD/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Than Việt Nam (700hp)	268	
2	Tàu Đông Hải (980hp)	345	
3	Tàu Tuần Châu (2.000hp)	646	
4	Tàu Yết Kiêu (3.200hp)	880	

2.2 Giá sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

Đơn vị tính: đồng/giờ

TT	TÊN TÀU LAI	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Than Việt Nam (700hp)	4004.000	
2	Tàu Đông Hải (980hp)	5.390.000	
3	Tàu Tuần Châu (2.000hp)	12.540.000	
4	Tàu Yết Kiêu (3.200hp)	14.520.000	

- Số lượng và công suất tàu lai dắt hỗ trợ thực hiện theo quy định của Nội quy các cảng biển Quảng Ninh.

- Đơn giá dịch vụ tàu lai dắt hỗ trợ dưới đây được tính cho từng loại tàu lai dắt hỗ trợ và được áp dụng cho một giờ hỗ trợ, tàu biển cập rời cầu bến, phao neo.

- Thời gian tính giá dịch vụ tàu lai dắt hỗ trợ: Từ khi tàu lai dắt hỗ trợ rời vị trí xuất phát trong khu vực neo đậu để đưa tàu vào làm hàng đến khi trở về vị trí ban đầu hoặc chuyển sang hoạt động khác.

- Trường hợp Đại lý hoặc Chủ tàu thay đổi giờ hoặc hủy bỏ yêu cầu tàu lai dắt hỗ trợ thì phải báo trước cho Cảng ít nhất 6 giờ kể từ thời điểm dự kiến huy động tàu lai.

- Trường hợp Cảng phải huy động tàu lai từ nơi khác đến để lai dắt hỗ trợ (ngoài các tàu lai trong biểu trên) thì đơn giá di chuyển tàu lai được thỏa thuận riêng theo hợp đồng, nhưng không quá 70% đơn giá lai dắt.

- Trường hợp cứu hộ tàu: Là tàu thuyền mất khả năng hoạt động phải sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ để đẩy hoặc kéo, giá tàu lai thỏa thuận giữa Cảng và Chủ tàu cần cứu hộ theo hợp đồng riêng.

III. GIÁ DỊCH VỤ BUỘC, CỎI DÂY TÀU

a/ Tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế cập cầu Cảng, Phao thực hiện công việc buộc, cỏi dây thu theo đơn giá sau (thuế suất 0%):

TT	DUNG TÍCH TOÀN PHẦN	ĐƠN GIÁ (USD/lần)	
		Tại Phao	Tại Cầu
1	Từ 500 đến 1.000 GT	54	28
2	Từ 1001 đến 10.000 GT	135	54
3	Từ 10.001 GT trở lên	175	80

b/ Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa cập cầu Cảng, Phao thực hiện công việc buộc, cỏi dây thu theo đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT):

TT	DUNG TÍCH TOÀN PHẦN	ĐƠN GIÁ (1000 VND/lần)	
		Tại Phao	Tại Cầu
1	Từ dưới 2000 GT	495	253
2	Từ 2001 đến 4 000 GT	583	330
3	Từ 4001 đến 6 000 GT	660	440
4	Từ 6001 GT trở lên	1.122	561
5	Sà lan (Đoàn)		88
6	Phương tiện thủy nội địa		88
Nếu sà lan và phương tiện thủy nội địa tự buộc còi dây thì tính bằng 50% đơn giá			

IV. GIÁ DỊCH VỤ CUNG ỨNG NƯỚC NGỌT

a. Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa (đã bao gồm thuế GTGT):

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Cấp tại cầu Cảng	Đồng/M ³	36.500
2	Cấp tại vụng neo	Đồng/M ³	47.250
3	Cấp tại hòng nước Cảng (không sử dụng phương tiện chuyên chở)	Đồng/M ³	21.000

b. Đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế (thuế suất 0%):

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Cấp tại cầu Cảng: - Nhận đến 100m ³	USD/M ³	3.00
	- Nhận trên 100m ³	USD/M ³	2.80
2	Cấp tại vụng neo: - Nhận đến 100m ³	USD/M ³	3.50
	- Nhận trên 100m ³	USD/M ³	3.00

C- QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHỈNH CHUNG

- Những nội dung chưa đề cập trong quyết định này sẽ thực hiện theo quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 và quyết định số 3863/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và sẽ được thỏa thuận trong từng hợp đồng với các đơn vị Chủ tàu hoặc tổ chức Đại lý./.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị, các Chủ tàu và tổ chức Đại lý có ý kiến gửi về Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả-Vinacomin xem xét, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.